

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ NAM CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4.18/QĐ-UBND

Nam Chính, ngày 31 tháng 12 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu – chi ngân sách xã năm 2022  
Được HĐND xã phê duyệt

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM CHÍNH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết ..../NQ-HĐND ngày ..../12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Nam Chính về dự toán và phân bổ ngân sách xã năm 2022;*

*Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán xã,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu Thu - Chi ngân sách xã năm 2022 của UBND xã Nam Chính đã được Hội đồng nhân dân xã phê duyệt tại kỳ họp thứ Hai HĐND xã khóa XXII nhiệm kỳ 2021-2026.

*(Bao gồm các biểu kèm theo Quyết định này).*

**Điều 2.** Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân xã, Kế toán - Tài chính xã căn cứ Quyết định thi hành./.

*Nơi nhận:*

- Phòng TC-KH huyện;
- Lưu: VP UBND xã.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Xuyên

ỦY BAN NHÂN DÂN

XÃ NAM CHÍNH

Biểu số 108/CK TC-NSNN

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

Kèm theo Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: 1000 đồng

| NỘI DUNG THU                             | DỰ TOÁN   | NỘI DUNG CHI             | DỰ TOÁN   |
|------------------------------------------|-----------|--------------------------|-----------|
| TỔNG SỐ THU                              | 4.589.300 | TỔNG SỐ CHI              | 4.589.300 |
| I. Các khoản thu xã hưởng 100%           | 112.000   | I. Chi đầu tư phát triển | 200.000   |
| II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % | 388.000   | II. Chi thường xuyên     | 4.389.300 |
| III. Thu bổ sung                         | 4.089.300 | III. Chi chuyển nguồn    |           |
| - Bổ sung cân đối                        | 2.459.900 |                          |           |
| - Bổ sung có mục tiêu                    | 1.629.400 |                          |           |
| IV. Thu chuyển nguồn                     |           |                          |           |

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Huệ

Nam Chính, ngày 31 tháng 12 năm 2021

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH



Trần Văn Xuyên

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

Kèm theo Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: 1000 đồng

| S<br>T<br>T | NỘI DUNG                                                      | DỰ TOÁN NĂM 2022 |                  |
|-------------|---------------------------------------------------------------|------------------|------------------|
|             |                                                               | THU NSNN         | THU NSX          |
| A           | B                                                             | 1                | 2                |
|             | <b>TỔNG THU</b>                                               | <b>4.589.300</b> | <b>4.589.300</b> |
| <b>I</b>    | <b>Các khoản thu 100%</b>                                     | <b>112.000</b>   | <b>112.000</b>   |
| 1           | Phí, lệ phí                                                   | 7.000            | 7.000            |
| 2           | Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác          | 80.000           | 80.000           |
| 3           | Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp                         |                  | -                |
| 4           | Thu phạt, tịch thu khác theo quy định                         |                  | -                |
| 5           | Thu từ tái sản được xác lập quyền sở hữu của NN theo quy định |                  | -                |
| 6           | Đóng góp của nhân dân theo quy định                           |                  | -                |
| 7           | Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân                   |                  | -                |
| 8           | Thu khác                                                      | 25.000           | 25.000           |
| <b>II</b>   | <b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>       | <b>388.000</b>   | <b>388.000</b>   |
| 1           | Các khoản thu phân chia                                       | 132.000          | 132.000          |
|             | - Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp                            | 35.000           | 35.000           |
|             | - Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình             |                  | -                |
|             | - Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh                | 9.000            | 9.000            |
|             | - Thuế thu nhập cá nhân                                       | 28.000           | 28.000           |
|             | - Lệ phí trước bạ nhà, đất                                    | 60.000           | 60.000           |
| 2           | Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định             | 256.000          | 256.000          |
|             | - Thuế VAT                                                    | 36.000           | 36.000           |
|             | - Thuế tiền sử dụng đất                                       | 200.000          | 200.000          |
|             | - Thuế tài nguyên                                             |                  | -                |
|             | - Thuế tiêu thụ đặc biệt                                      |                  | -                |
| <b>III</b>  | <b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>  |                  | -                |

| S<br>T<br>T | NỘI DUNG                          | DỰ TOÁN NĂM 2022 |           |
|-------------|-----------------------------------|------------------|-----------|
|             |                                   | THU NSNN         | THU NSX   |
| A           | B                                 | 1                | 2         |
| IV          | Thu chuyển nguồn                  |                  | -         |
| V           | Thu kết dư ngân sách năm trước    |                  | -         |
| VI          | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | 4.089.300        | 4.089.300 |
| 1           | - Thu bổ sung cân đối             | 2.459.900        | 2.459.900 |
| 2           | - Thu bổ sung có mục tiêu         | 1.629.400        | 1.629.400 |

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Huệ

Nam Chính, ngày 31 tháng 12 năm 2021

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
CHỦ TỊCH





**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

Kèm theo Quyết định số : 478 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: 1.000 đồng

| STT | NỘI DUNG                                                   | DỰ TOÁN NĂM 2022 |                   |                  |
|-----|------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|------------------|
|     |                                                            | TỔNG SỐ          | ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | THƯỜNG XUYÊN     |
| A   | B                                                          | 1                | 2                 | 3                |
|     | <b>TỔNG CHI</b>                                            | <b>4.589.300</b> | <b>200.000</b>    | <b>4.389.300</b> |
|     | Trong đó:                                                  |                  |                   |                  |
| 1   | Chi Giáo dục                                               | 12.000           |                   | 12.000           |
| 2   | Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ                        |                  |                   | -                |
| 3   | Chi y tế                                                   | 12.000           |                   | 12.000           |
| 4   | Chi công tác dân quân tự vệ, ANTT                          | 402.842,4        |                   | 402.842,4        |
| 5   | Chi văn hoá, thông tin                                     | 19.500           |                   | 19.500           |
| 6   | Chi phát thanh, truyền hình                                | 43.784           |                   | 43.784           |
| 7   | Chi thể dục thể thao                                       | 19.500           |                   | 19.500           |
| 8   | Chi bảo vệ môi trường                                      | 19.500           |                   | 19.500           |
| 9   | Chi các hoạt động kinh tế                                  | 46.200           |                   | 46.200           |
| 10  | Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể | 3.324.176,4      |                   | 3.324.176,4      |
| 11  | Chi công tác xã hội                                        | 396.597          |                   | 396.597          |
| 12  | Chi khác                                                   |                  |                   | -                |
| 13  | Chi chuyển nguồn                                           |                  |                   |                  |
| 14  | Chi đầu tư phát triển                                      | 180.000          | 180.000           |                  |
| 15  | Tiết kiệm chi thường xuyên                                 | 63.200           |                   | 63.200           |
| 16  | Dự phòng chi ĐTXDCB                                        | 50.000           | 20.000            | 30.000           |

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Huệ

Nam Chính, ngày 31 tháng 12 năm 2021

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH

Trần Văn Xuyên

ĐƯỢC QUÉT BẢNG CAMS

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

Kèm theo Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: 1.000 đồng

| ST<br>T | NỘI DUNG                                      | Thời gian<br>khởi công -<br>hoàn thành | Tổng dự toán được<br>duyet |                                                | Giá trị<br>thanh toán<br>đến<br>31/12/2021 | Dự toán năm 2021 |                                                   |                                                                           |
|---------|-----------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
|         |                                               |                                        | Tổng số                    | Trong<br>đó<br>nguồn<br>đóng<br>góp của<br>dân |                                            | Tổng số          | Trong đó<br>thanh toán<br>khối lượng<br>năm trước | Chia theo nguồn vốn<br>Nguồn cân<br>đối ngân<br>sách<br>Nguồn<br>đóng góp |
|         | TỔNG SỐ                                       |                                        | 15.030.000                 | -                                              | 5.718.900                                  | 20.000           | -                                                 | 200.000                                                                   |
| I       | Công trình chuyển tiếp                        |                                        | 10.030.000                 | -                                              | 5.718.900                                  | -                | -                                                 | 140.000                                                                   |
|         | Công trình kiến cổ hóa kênh mương             |                                        | 5.035.000                  |                                                | 2.456.600                                  |                  |                                                   | 50.000                                                                    |
|         | Đường giao thông liên thông Bạch Tây Hoàng Xã |                                        | 4.495.000                  |                                                | 3.000.000                                  |                  |                                                   | 70.000                                                                    |
|         | Trạm y tế                                     |                                        | 500.000                    |                                                | 262.300                                    |                  |                                                   | 20.000                                                                    |
| II      | Công trình khởi công mới                      |                                        | 5.000.000                  | -                                              | -                                          | -                | -                                                 | 40.000                                                                    |
| 1       | Cải tạo sửa chữa trường mầm non               |                                        | 3.000.000                  |                                                |                                            |                  |                                                   | 20.000                                                                    |
| 2       | Hội trường UB xã                              |                                        | 2.000.000                  |                                                |                                            |                  |                                                   | 20.000                                                                    |
| III     | Dự phòng chi ĐTXD CB                          |                                        |                            |                                                |                                            | 20.000           |                                                   | 20.000                                                                    |
|         |                                               |                                        |                            |                                                |                                            |                  |                                                   |                                                                           |

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Huệ

Nam Chính, ngày 31 tháng 12 năm 2021  
T.M ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH

Trần Văn Xuyên

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ NAM CHÍNH

Biểu số 112/CK TC-NSNN

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

Kèm theo Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: 1.000 đồng

| TT | NỘI DUNG                          | Ước thực hiện năm 2021 |     |            | Kế hoạch năm 2021 |     |            |
|----|-----------------------------------|------------------------|-----|------------|-------------------|-----|------------|
|    |                                   | Thu                    | Chi | Chênh lệch | Thu               | Chi | Chênh lệch |
|    | <b>TỔNG SỐ</b>                    |                        |     |            |                   |     |            |
| 1  | Các quỹ tài chính ngoài ngân sách |                        |     |            |                   |     |            |
|    |                                   |                        |     |            |                   |     |            |
|    |                                   |                        |     |            |                   |     |            |
|    |                                   |                        |     |            |                   |     |            |
|    |                                   |                        |     |            |                   |     |            |
|    |                                   |                        |     |            |                   |     |            |
| 2  | Các hoạt động sự nghiệp           |                        |     |            |                   |     |            |
| +  | Chợ                               |                        |     |            |                   |     |            |
| +  | Bến bãi                           |                        |     |            |                   |     |            |
|    |                                   |                        |     |            |                   |     |            |
|    |                                   |                        |     |            |                   |     |            |
|    |                                   |                        |     |            |                   |     |            |
|    |                                   |                        |     |            |                   |     |            |

Nam Chính, ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Huệ

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
CHỦ TỊCH

Trần Văn Xuyên